TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ -ST
Ngày: 12-8-2021
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Nguyễn Thị Bắc .

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, về việc: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Doanh Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Khối phố 2 (Khu V), thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã Ia K, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vương Văn Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 2, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11-3-2021 và bản tự khai, nguyên đơn là bà Doanh Thị D trình bày:

Bà D và ông Vương Văn Q tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào ngày 13 tháng 02 năm 2006. Sau khi cưới, vợ chồng bà D vào thôn 2, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai sinh sống. Thời gian đầu của hôn nhân, bà D và ông Q chung sống với nhau tương đối hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, vì vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trầm trọng hơn là ông Q có tính nóng nãy và thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà D nên

năm 2009 bà D bỏ về quê, sau đó vào huyện I sinh sống. Từ đó cho đến nay vợ chồng bỏ mặc nhau. Hiện nay, bà D không còn tình cảm với ông Q nữa nên xin được ly hôn.

Bà D và ông Q không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Q, nhưng ông Q không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, bà D thống nhất với lời khai của chị đã trình bày trong đơn khởi kiện, cũng như bản tự khai và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn ông Q.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Bà Doanh Thị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn ông Vương Văn Q. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là: *"Ly hôn"*, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Vương Văn Q hiện nay đang cư trú tại xã C, thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và cấp xét xử. Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng. Tòa án thu thập chứng cứ, việc cấp và tống đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Doanh Thị D, xử cho bà D được ly hôn ông Vương Văn Q. Buộc bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Vương Văn Q là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng ông Q không đến Tòa án để tham gia phiên họp và tham gia phiên tòa. Căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Bà Doanh Thị D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn ông Vương Văn Q. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp là: *"Ly hôn"*, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là ông Vương Văn Q hiện nay đang cư trú tại xã C, thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và cấp xét xử.

[4] Bà Doanh Thị D, sinh năm 1977 và ông Vương Văn Q, sinh năm 1970, hai người đã tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào ngày 13 tháng 02 năm 2006. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà D và ông Q đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, không thuộc trường hợp cấm kết hôn nên quan hệ hôn nhân của bà D và ông Q, là hợp pháp.

[5] Theo lời khai của bà D thì thời gian đầu của hôn nhân, Bà và ông Q chung sống với nhau tương đối hạnh phúc được một thời gian ngắn, nhưng về sau thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vì vợ chồng không hợp tính nhau, không thống nhất quan điểm trong cuộc sống; ông Q thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm bà D. Từ năm 2009 cho đến nay bà D và ông Q không chung sống cùng nhau và đã thực sự bỏ mặc nhau.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Vương Văn Q, nhưng ông Q không đến Tòa án để trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà D, mà đã cố tình trốn tránh, từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[7] Kết quả xác minh của Tòa án ngày 26/3/2021 tại địa phương nơi ông Q cư trú là thôn 2, xã C, biết được ông Q có nhà, có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên có mặt sinh sống tại địa phương. Ông Q và bà D có quan hệ vợ chồng, tình trạng hôn nhân rất trầm trọng. Bà D và ông Q chung sống với nhau tại địa phương khoảng 03 năm, nhưng vợ chồng thường xuyên mất trật tự, vì ông Q hay uống rượu vào rồi chửi bới bà D. Năm 2009, bà Duyên bỏ nhà đi chỗ khác sinh sống, còn ông Q sinh sống một mình cho đến nay.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm [5] đến [7] nêu trên cho thấy quan hệ hôn nhân của bà D và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D, là có cơ sở và được chấp nhận.

[8] Bà D và ông Q không có con chung, không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản chung nên Tòa án không xét đến.

[9] Buộc bà Doanh Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Doanh Thị D.

1. Về hôn nhân: Bà Doanh Thị D được ly hôn ông Vương Văn Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Doanh Thị D phải chịu 300.000 (bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0012310 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Người có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Bà Doanh Thị D được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 12 tháng 8 năm 2021. Ông Vương Văn Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố P;
- UBND xã T
h. Th- Hải Dương;
-Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng